

Số: 34 /QĐ-SGDHCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 599/2007/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thành Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 21/2015/QĐ-TTg ngày 18 tháng 06 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số điều của Quyết định số 599/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 2399/QĐ-BTC ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-UBCK ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn chào bán và phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm;

Căn cứ Công văn số 27/UBCK – PTTT ngày 06 ngày 01 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận ban hành Quy chế Niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ - HĐQT ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng quản trị Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc ban hành

Quy chế Niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc phòng Quản lý và Thẩm định niêm yết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 69/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Niêm yết và Công bố Thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giám đốc Phòng Quản lý và Thẩm định niêm yết, Giám đốc các đơn vị thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *g*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN (để báo cáo);
- TTLKCK;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, NY (12). *g*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



Nguyễn Vũ Quang Trung

**QUY CHẾ NIÊM YẾT VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỐI VỚI CHỨNG
QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Kèm theo Quyết định số 34 /QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 01 năm 2024 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc đăng ký niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền) niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch của thị trường và tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức phát hành chứng quyền;
- Ngân hàng lưu ký;
- Nhà đầu tư tham gia giao dịch chứng quyền;
- Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Đăng ký niêm yết** là việc tiến hành các thủ tục để đưa chứng quyền có đủ điều kiện niêm yết vào giao dịch tại SGDCK.
- Thay đổi đăng ký niêm yết** là việc tiến hành các thủ tục để thay đổi số lượng chứng quyền niêm yết tại SGDCK.
- Hủy niêm yết** là việc chấm dứt niêm yết và giao dịch toàn bộ chứng quyền niêm yết tại SGDCK.
- UBCKNN**: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCK**: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- VSD**: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam



Chương II

NIÊM YẾT CHỨNG QUYỀN

Điều 4. Điều kiện niêm yết lần đầu

1. Là chứng quyền đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền với thông tin về chứng quyền đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Giá chào bán tối thiểu là 1.000 đồng;

b) Tỷ lệ chuyển đổi phải là 1:1 hoặc là n:1 với n là bội số của 1;

c) Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%.

2. Có hồ sơ đăng ký niêm yết chứng quyền đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký niêm yết lần đầu

1. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng quyền tại SGDCK bao gồm các tài liệu sau:

a) Giấy đăng ký niêm yết chứng quyền (theo mẫu NY.CW-01 tại Phụ lục I Quy chế này);

b) Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền do UBCKNN cấp;

c) Bản cáo bạch đã được UBCKNN chấp thuận;

d) Thông báo phát hành chứng quyền (theo mẫu tại Phụ lục số 03 Thông tư số 107/2016/TT-BTC);

e) Báo cáo kết quả phân phối chứng quyền (theo mẫu tại Phụ lục số 04 Thông tư số 107/2016/TT-BTC);

f) Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền nếu có (theo mẫu NY.CW-05 tại Phụ lục I Quy chế này);

g) Báo cáo thuyết minh về cơ sở vật chất cho hoạt động tạo lập thị trường (được gửi định kỳ hằng năm vào đợt đăng ký niêm yết chứng quyền đầu tiên của Tổ chức phát hành trong năm);

h) Xác nhận của UBCKNN về kết quả phân phối chứng quyền (do UBCKNN gửi SGDCK);

i) Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng quyền do VSD cấp (do VSD gửi SGDCK);

j) Các tài liệu khác theo yêu cầu của SGDCK trong trường hợp cần làm rõ thông tin trong hồ sơ đăng ký.

2. Các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này được miễn trừ trong trường hợp tài liệu đó đã được gửi đến SGDCK theo quy định về báo cáo và công bố thông tin;

3. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng quyền phải là bản chính hoặc bản sao y hợp lệ. Tổ chức phát hành chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và trung thực của toàn bộ hồ sơ đăng ký niêm yết.

Điều 6. Quy trình đăng ký niêm yết lần đầu

1. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành phân phối theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 107/2016/TT-BTC, tổ chức phát hành phải nộp đầy đủ các hồ sơ theo điểm a, b, c, d, e, f và g khoản 1 Điều 5 Quy chế này cho SGDCK. SGDCK sẽ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nếu cần thiết.

2. Trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ VSD về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng quyền cho tổ chức phát hành và hồ sơ đăng ký niêm yết đã đầy đủ, hợp lệ, SGDCK ra Quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền. Trường hợp từ chối, SGDCK trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền, chứng quyền được chính thức giao dịch trên hệ thống.

4. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền, tổ chức phát hành thực hiện thanh toán Giá dịch vụ đăng ký niêm yết lần đầu cho SGDCK.

Điều 7. Các trường hợp thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền

Thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền bao gồm các trường hợp thay đổi tăng khi có đợt chào bán bổ sung đối với chứng quyền đã phát hành và thay đổi giảm khi hủy niêm yết một phần chứng quyền, cụ thể như sau:

1. Tổ chức phát hành thực hiện đợt chào bán bổ sung đối với chứng quyền đã phát hành.

2. Tổng số lượng chứng khoán cơ sở được quy đổi từ các chứng quyền đã phát hành thuộc tất cả các tổ chức phát hành vượt quá 9% so với tổng số lượng chứng khoán cơ sở tự do chuyển nhượng: Tổ chức phát hành phải hủy niêm yết một phần chứng quyền chưa lưu hành có thời gian còn lại ít hơn hai (02) tháng tính từ ngày phát sinh tỷ lệ vượt đến ngày đáo hạn theo nguyên tắc:

a) Hủy niêm yết 80% số lượng chứng quyền đã phát hành trong trường hợp số lượng chứng quyền đang lưu hành ít hơn 5% số lượng đã phát hành;

b) Hủy niêm yết 70% số chứng quyền đã phát hành trong trường hợp số lượng chứng quyền đang lưu hành từ 5% đến 10% số lượng đã phát hành;

3. Theo đề nghị của tổ chức phát hành sau ngày niêm yết tối thiểu là ba mươi (30) ngày theo nguyên tắc: Trường hợp vẫn còn chứng quyền đang lưu hành, số chứng quyền còn lại (sau khi trừ phần dự kiến hủy niêm yết) đạt tối thiểu 10% số chứng quyền đã phát hành.

Điều 8. Hồ sơ và quy trình thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền

C.
AO
G K
ANH
CHÍ
TP. H

1. Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này

a) Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết

i. Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết (theo mẫu NY.CW-02 tại Phụ lục I Quy chế này);

ii. Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền đối với đợt chào bán bổ sung do UBCKNN cấp;

iii. Bản cáo bạch chào bán chứng quyền bổ sung đã được UBCKNN chấp thuận;

iv. Thông báo phát hành chứng quyền (theo mẫu tại Phụ lục số 03 Thông tư số 107/2016/TT-BTC);

v. Báo cáo kết quả phân phối chứng quyền (theo mẫu tại Phụ lục số 04 Thông tư 107/2016/TT-BTC);

vi. Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền nếu có (theo mẫu NY.CW-05 tại Phụ lục I Quy chế này);

vii. Xác nhận của UBCKNN về kết quả phân phối chứng quyền (do UBCKNN gửi SGDCK);

viii. Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký lưu ký chứng quyền do VSD cấp (do VSD gửi SGDCK);

ix. Các tài liệu khác theo yêu cầu của SGDCK trong trường hợp cần làm rõ thông tin trong hồ sơ đăng ký.

b) Quy trình thực hiện

Trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, SGDCK ra Quyết định về việc thay đổi niêm yết chứng quyền.

Trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết chứng quyền, chứng quyền được chính thức giao dịch bổ sung.

2. Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này

a) Khi phát sinh tình huống quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này, SGDCK thực hiện:

Thông báo cho các tổ chức phát hành chứng quyền trên cùng một tài sản cơ sở về việc phải hủy niêm yết một phần chứng quyền đồng thời yêu cầu các tổ chức phát hành báo cáo về số lượng chứng quyền chưa lưu hành có thời gian đáo hạn dưới hai (02) tháng;

b) Trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày SGDCK gửi công văn theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, các tổ chức phát hành gửi đến SGDCK:

i. Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết với số lượng thay đổi niêm yết (hủy niêm yết một phần) phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 (theo mẫu NY.CW-02 tại Phụ lục I Quy chế này)

ii. Báo cáo theo yêu cầu của SGDCK tại điểm a khoản này (theo mẫu NY.CW-03 Phụ lục I Quy chế này);

iii. Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền nếu có (theo mẫu NY.CW-05 tại Phụ lục I Quy chế này);

c) Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày SGDCK gửi công văn đến các tổ chức phát hành, căn cứ hồ sơ của các tổ chức phát hành và xem xét Báo cáo hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với các tổ chức phát hành không gửi hồ sơ, SGDCK ra Quyết định về việc thay đổi niêm yết chứng quyền do hủy niêm yết một phần.

3. Trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này

a) Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết:

i. Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết với số lượng thay đổi niêm yết (hủy niêm yết một phần) phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 7 (theo mẫu NY.CW-02 tại Phụ lục I Quy chế này);

ii. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua việc thay đổi niêm yết (hủy niêm yết một phần).

iii. Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền nếu có (theo mẫu NY.CW-05 tại Phụ lục I Quy chế này)

b) Quy trình thực hiện: Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, SGDCK ra Quyết định về việc thay đổi niêm yết chứng quyền. Trường hợp từ chối, SGDCK trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 9. Điều chỉnh chứng quyền

1. Tổ chức phát hành thực hiện điều chỉnh chứng quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 107/2016/TT-BTC.

2. Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới. Các trường hợp điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của SGDCK.

3. Công thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi khi điều chỉnh chứng quyền như sau:

a) Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)

b) Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)

c) Nguyên tắc làm tròn: Giá thực hiện mới sau điều chỉnh được làm tròn đến hàng đơn vị, tỷ lệ chuyển đổi mới sau điều chỉnh được làm tròn đến 4 chữ số thập phân sau dấu phẩy.

4. Tổ chức phát hành công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền (theo mẫu NY.CW-05 tại Phụ lục I Quy chế này) trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có giá đóng cửa của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền.

Điều 10. Các trường hợp hủy niêm yết toàn bộ chứng quyền

1. Chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán;

2. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; hoặc khi phát hiện tổ chức phát hành không ký quỹ bảo đảm thanh toán hoặc không có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng;

3. Tổ chức phát hành vi phạm nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường theo quy chế của SGDCK.

4. Các chứng quyền đã được hoàn tất việc thực hiện quyền hoặc đã đáo hạn.

5. Tổ chức phát hành bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành hoặc chấm dứt sự tồn tại do tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản;

6. Tổ chức phát hành hủy niêm yết tự nguyện toàn bộ chứng quyền chưa lưu hành sau ngày niêm yết tối thiểu là ba mươi (30) ngày trong trường hợp tổ chức phát hành đã sở hữu toàn bộ số chứng quyền đã phát hành;

Điều 11. Hồ sơ và quy trình hủy niêm yết toàn bộ chứng quyền

1. Trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 5 Điều 10 Quy chế này

Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày SGDCK nhận được quyết định hoặc có thông tin chính thức về việc tổ chức phát hành chứng quyền và/hoặc tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở rơi vào trường hợp quy định tại khoản 1, hoặc khoản 3, hoặc khoản 5 Điều 10 Quy chế này, SGDCK ra Quyết định hủy niêm yết chứng quyền.

2. Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này

Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày SGDCK nhận được ý kiến của UBCKNN về việc tổ chức phát hành vi phạm quy định theo nội dung tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này, SGDCK ra Quyết định hủy niêm yết chứng quyền.

3. Trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 10 Quy chế này

a) Tối thiểu mười (10) ngày làm việc trước ngày đáo hạn của chứng quyền, tổ chức phát hành phải gửi hồ sơ đến SGDCK để hủy niêm yết toàn bộ chứng quyền và thực hiện thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, bao gồm:

- i. Giấy đề nghị hủy niêm yết toàn bộ chứng quyền (theo mẫu NY.CW-04 tại Phụ lục I Quy chế này);
- ii. Thông báo về việc lập danh sách người sở hữu chứng quyền tại ngày đáo hạn.
- iii. Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền nếu có (theo mẫu NY.CW-05 tại Phụ lục I Quy chế này);

Trường hợp tổ chức phát hành chậm nộp hồ sơ theo quy định này, SGDCK sẽ gửi công văn nhắc nhở và báo cáo UBCKNN.

b) Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, SGDCK ra Quyết định hủy niêm yết chứng quyền.

4. Trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 10 Quy chế này

a) Hồ sơ hủy niêm yết

- i. Giấy đề nghị hủy niêm yết (theo mẫu NY.CW-04 tại Phụ lục I Quy chế này);
- ii. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua việc huỷ bỏ niêm yết tự nguyện;
- iii. Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền nếu có (theo mẫu NY.CW-05 tại Phụ lục I Quy chế này);

b) Quy trình thực hiện

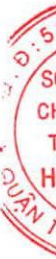
Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, SGDCK ra Quyết định hủy niêm yết chứng quyền. Trường hợp từ chối, SGDCK trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 12. Giá thanh toán chứng quyền và giá mua lại chứng quyền

1. Giá thanh toán vào ngày đáo hạn của chứng quyền

SGDCK thực hiện tính toán và công bố giá thanh toán vào ngày đáo hạn của chứng quyền. Đối với chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở là cổ phiếu và thực hiện theo kiểu Châu Âu, giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền là bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

Trường hợp xảy ra sự kiện doanh nghiệp của cổ phiếu cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở vào những ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền của sự kiện doanh nghiệp đó sẽ được điều chỉnh tương ứng với sự kiện doanh nghiệp đó.



2. Giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực trong trường hợp hủy niêm yết trước khi đáo hạn

Giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực trong trường hợp hủy niêm yết theo quy định tại điểm a, b, e khoản 1 và khoản 3 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC được xác định theo Phụ lục 01 Quy chế Hướng dẫn chào bán và phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-UBCK ngày 18/01/2018 của Chủ tịch UBCKNN hoặc các công thức định giá khác và phải được tổ chức phát hành quy định tại Bản cáo bạch. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày có Quyết định hủy niêm yết chứng quyền, tổ chức phát hành phải công bố cách thức xác định giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực, bao gồm các căn cứ xác định các thông số tính toán giá thanh toán.

Cách thức xác định giá thanh toán của tổ chức phát hành phải đảm bảo tính hợp lý và phù hợp theo thông tin đã trình bày tại Bản cáo bạch. SGDCK có thể yêu cầu tổ chức phát hành giải trình và điều chỉnh các thông số tính toán giá thanh toán nếu xét thấy các thông số đó được đưa ra chưa hợp lý.

3. Giá mua lại chứng quyền

Trong trường hợp hủy niêm yết theo quy định tại điểm a, b, e khoản 1 và khoản 3 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC, giá mua lại chứng quyền trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực là mức giá thị trường và phải tuân thủ theo các quy định về tạo lập thị trường của SGDCK.

Chương III

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 13. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Các đối tượng công bố thông tin thực hiện công bố theo các quy định chung tại Điều 4,5,6 và 7 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Trường hợp tạm hoãn công bố thông tin, tổ chức phát hành thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

3. Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

a) Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.

b) Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

4. Tổ chức phát hành có nghĩa vụ nộp báo cáo, công bố thông tin dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử theo quy định tại khoản 3 Điều này cho SGDCK và UBCKNN. Báo cáo, công bố thông tin bằng dữ liệu điện tử phải sử dụng bảng mã Unicode. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền báo cáo, công bố thông tin của tổ chức phát hành phải đăng ký địa chỉ hộp thư điện tử để gửi báo cáo, công bố thông tin cho SGDCK.

5. Trong trường hợp gửi báo cáo, công bố thông tin qua fax/mạng điện tử, tổ chức phát hành phải gửi báo cáo, công bố thông tin bằng văn bản chậm nhất là năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo, công bố thông tin. Ngày báo cáo, công bố thông tin cho SGDCK được tính là ngày gửi fax, dữ liệu điện tử (qua email hoặc hệ thống công nghệ thông tin tiếp nhận báo cáo, công bố thông tin) hoặc ngày SGDCK nhận được báo cáo, thông tin công bố bằng văn bản đầy đủ và hợp lệ.

6. Trường hợp SGDCK triển khai hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin thông qua cổng trực tuyến, tổ chức phát hành tiến hành gửi báo cáo, công bố thông tin theo hướng dẫn của SGDCK.

Điều 14. Nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin của tổ chức phát hành chứng quyền

Tổ chức phát hành thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 11 Điều 4, khoản 1 Điều 7, Điều 18 và Điều 19 Thông tư số 107/2016/TT-BTC. Ngoài ra, tổ chức phát hành thực hiện các báo cáo và công bố thông tin cho SGDCK theo quy định sau:

1. Tổ chức phát hành thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc tháng về giao dịch tự doanh đối với chứng khoán cơ sở, vị thế mở và giá trị hiện tại của tất cả các chứng quyền theo mẫu tại Phụ lục 02 Quy chế hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK.

2. Tổ chức phát hành thực hiện công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Nghị quyết/Quyết định/Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu chứng quyền;

b) Nghị quyết/Quyết định về những thay đổi của hoạt động quản trị rủi ro liên quan đến chứng quyền;

c) Các sự kiện khác có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người sở hữu chứng quyền;

d) Khi không thể thực hiện hoạt động tạo lập thị trường vì những lý do bất khả kháng.

Điều 15. Nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin của nhà đầu tư

Người nội bộ của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và người có liên quan của đối tượng này khi tham gia giao dịch chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư số 107/2016/TT-BTC và Điều 33 Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Người nội bộ của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và người có liên quan của đối tượng này thực hiện báo cáo và công bố thông tin cho SGDCK theo quy định sau:

1. Trước ngày thực hiện giao dịch chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở tối thiểu là ba (03) ngày làm việc, người nội bộ của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và người có liên quan của đối tượng này thực hiện báo cáo, công bố thông tin (theo Mẫu NY.CW-06 tại Phụ lục I Quy chế này) và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK.

2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có, theo Mẫu NY.CW-07 tại Phụ lục I Quy chế này).

3. SGDCK sẽ thực hiện điều chỉnh thời gian dự kiến giao dịch tại Thông báo giao dịch chứng quyền cho phù hợp với quy định hiện hành. Các đối tượng này có trách nhiệm theo dõi website của SGDCK và thực hiện giao dịch theo đúng thời gian quy định.

4. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch chứng quyền, công ty chứng khoán thực hiện báo cáo SGDCK, tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

Điều 16. Nghĩa vụ báo cáo của ngân hàng lưu ký

Ngân hàng lưu ký thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 107/2016/TT-BTC.

Chương IV

CÁC HÌNH THỨC NHẮC NHỞ TRÊN TOÀN THỊ TRƯỜNG, CẢNH BÁO VÀ TẠM NGỪNG GIAO DỊCH

Điều 17. Nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường

1. Tổ chức phát hành bị nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường khi vi phạm quy định về công bố thông tin, báo cáo, vi phạm quy định về thời gian nộp hồ sơ niêm yết/hủy niêm yết chứng quyền từ ba (03) lần trở lên trong vòng một (01) năm. Trường hợp một tổ chức phát hành có nhiều chứng quyền niêm yết thì số lần nhắc nhở được tính cho tất cả chứng quyền của cùng một tổ chức phát hành.

2. SGDCK thực hiện công bố thông tin Quyết định nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức phát hành phải thực hiện giải trình nguyên nhân và đưa ra phương án khắc phục tình trạng bị nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường và công bố thông tin theo yêu cầu của SGDCK.

Điều 18. Chứng quyền bị cảnh báo

1. Chứng quyền bị cảnh báo trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức phát hành chứng quyền vi phạm nghĩa vụ trong hoạt động phòng ngừa rủi ro;

b) Tổ chức phát hành chứng quyền vi phạm nghĩa vụ trong hoạt động tạo lập thị trường;

c) Tổ chức phát hành không duy trì được các điều kiện chào bán chứng quyền theo quy định tại Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán hiện hành, ngoại trừ trường hợp tổ chức phát hành bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành hoặc chấm dứt sự tồn tại do tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong 06 tháng gần nhất tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ chào bán.

2. SGDCK lên ký hiệu cảnh báo và ra Quyết định cảnh báo đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đưa ra khỏi diện cảnh báo:

SGDCK sẽ xem xét đưa chứng quyền ra khỏi diện cảnh báo và dỡ bỏ ký hiệu cảnh báo trong trường hợp tổ chức phát hành chứng quyền khắc phục được các nguyên nhân dẫn đến chứng quyền bị cảnh báo.

Điều 19. Chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch

1. Chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch trong các trường hợp sau:

a) Các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC;

b) Tổ chức phát hành chứng quyền vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường hoặc vi phạm nghĩa vụ trong hoạt động phòng ngừa rủi ro theo quy định tại Quy chế Hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK và SGDCK thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

c) Khi có thông tin chính thức về sự cố kỹ thuật hệ thống thanh toán của VSD và SGDCK thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định về việc chứng khoán cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch, SGDCK ra Quyết định về việc tạm ngừng giao dịch chứng quyền.

3. Trường hợp quy định tại điểm d khoản 6 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày có ý kiến chấp thuận của UBCKNN, SGDCK ra Quyết định về việc về việc tạm ngừng giao dịch chứng quyền.

4. Đưa ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch

Sau khi các sự kiện dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch đã được khắc phục hoặc chấm dứt, SGDCK ra Quyết định về việc đưa chứng quyền ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. SGDCK có thẩm quyền đưa ra hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của SGDCK đối với các trường hợp vi phạm các quy định tại Quy chế này.

2. Việc quản lý đối với chứng quyền và hoạt động của tổ chức phát hành chứng quyền được quy định trong Quy chế này và một số Quy chế liên quan khác với các hình thức xử lý phù hợp. Trường hợp tổ chức phát hành vi phạm quy định trong từ hai Quy chế trở lên thì sẽ là tình tiết tăng nặng khi xem xét xử lý vi phạm. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, SGDCK sẽ quyết định hình thức xử lý vi phạm phù hợp.

3. Trường hợp tổ chức phát hành rơi vào các trường hợp đặc biệt tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 107/2016/TT-BTC, tổ chức phát hành chịu trách nhiệm thực hiện việc xử lý cho người sở hữu chứng quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Thông tư số 107/2016/TT-BTC và các quy định pháp luật liên quan.

4. Trường hợp tổ chức phát hành vi phạm nghiêm trọng quy định vượt quá thẩm quyền xử lý của SGDCK, SGDCK sẽ báo cáo UBCKNN để xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.

Điều 21. Các hình thức xử lý vi phạm

1. Nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường;
2. Đưa chứng quyền vào diện cảnh báo;
3. Đưa chứng quyền vào diện tạm ngừng giao dịch;
4. Hủy niêm yết chứng quyền.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. SGDCK thực hiện giám sát việc tuân thủ Quy chế này đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy chế này.

2. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ của các đối tượng nêu tại Điều 2 Quy chế này.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc SGDCK quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị SGDCK thông qua và có ý kiến chấp thuận của UBCKNN./rv

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Nguyễn Vũ Quang Trung





Phụ lục I

CÁC BIỂU MẪU

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Mẫu	Nội dung
NY.CW-01	Giấy đăng ký niêm yết chứng quyền
NY.CW-02	Giấy đăng ký thay đổi niêm yết chứng quyền
NY.CW-03	Báo cáo số lượng chứng quyền chưa lưu hành có thời gian đáo hạn dưới 2 tháng
NY.CW-04	Giấy đề nghị hủy niêm yết chứng quyền
NY.CW-05	Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền
NY.CW-06	Thông báo giao dịch chứng quyền của người nội bộ của công ty đại chúng và người có liên quan của người nội bộ
NY.CW-07	Báo cáo kết quả giao dịch chứng quyền của người nội bộ của công ty đại chúng và người có liên quan của người nội bộ

**TỔ CHỨC
PHÁT HÀNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG QUYỀN

Chứng quyền:

Mã chứng quyền:

Kính gửi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): ...
2. Tên giao dịch:
3. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm
4. Vốn điều lệ: (bằng chữ):
5. Địa chỉ trụ sở chính:
6. Điện thoại: Fax:

II. CHỨNG QUYỀN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

1. Tên chứng quyền:
2. Mã chứng quyền:
được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận chào bán số:
ngày/...../.....
3. Tên (mã) chứng khoán cơ sở:
4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:
5. Loại chứng quyền (mua/bán):
6. Kiểu chứng quyền (châu Âu):
7. Phương thức thanh toán thực hiện quyền:
8. Thời hạn: tháng
9. Ngày đáo hạn: (ngày/tháng/năm)
10. Tỷ lệ chuyển đổi:
11. Giá thực hiện: đồng
12. Giá phát hành: đồng/chứng quyền
13. Tài sản bảo đảm thanh toán:

14. Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán:

15. Ngày bắt đầu phát hành:

16. Ngày kết thúc phát hành:

17. Số lượng chứng quyền đăng ký niêm yết: chứng quyền

III. CÁC BÊN LIÊN QUAN:

1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:

IV. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trong hồ sơ đăng ký niêm yết của chúng tôi là đầy đủ, chính xác và trung thực. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi nghĩa vụ của tổ chức phát hành cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

....., ngày..... tháng..... năm

Hồ sơ gửi kèm:

(Liệt kê đầy đủ)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**TỔ CHỨC
PHÁT HÀNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



GIẤY ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NIÊM YẾT CHỨNG QUYỀN

Chứng quyền (Tên chứng quyền)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ):
2. Tên giao dịch:
3. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm
4. Vốn điều lệ: (bằng chữ):
5. Địa chỉ trụ sở chính:
6. Điện thoại: Fax:

II. LÝ DO THAY ĐỔI TĂNG/GIẢM SỐ LƯỢNG CHỨNG QUYỀN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

.....
(Ghi rõ lý do thuộc khoản, Điều nào quy định trong Quy chế Niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK TP.HCM)

Trường hợp đăng ký thay đổi niêm yết giảm do hủy niêm yết một phần chứng quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế Niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK TP.HCM thì bổ sung các thông tin sau:

- Số lượng chứng quyền còn lại chưa lưu hành (sau khi hủy niêm yết một phần):chứng quyền
- Tỷ lệ số chứng quyền còn lại chưa lưu hành(sau khi hủy niêm yết một phần)/ số chứng quyền đã phát hành:

III. CHỨNG QUYỀN THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

1. Loại chứng khoán: chứng quyền có bảo đảm
2. Tên chứng quyền:...
3. Mã chứng quyền:..... được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận chào bán số:..... ngày.....tháng.... năm....

(Liệt kê Giấy chứng nhận chào bán gần nhất)

4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:
5. Mã chứng khoán cơ sở:
6. Mệnh giá chứng quyền: đồng;
7. Ngày phát hành (lần đầu): ...
8. Thời hạn: tháng
9. Ngày đáo hạn:....
10. Giá thực hiện: đồng
11. Tỷ lệ chuyển đổi:
12. Số lượng chứng quyền đã phát hành:
13. Số lượng chứng quyền niêm yết trước khi thay đổi đăng ký niêm yết:
14. Số lượng chứng quyền thay đổi đăng ký niêm yết (tăng/giảm) :chứng quyền (.....*bằng chữ*) (ghi rõ là tăng hay giảm)
15. Số lượng chứng quyền niêm yết sau khi thay đổi đăng ký niêm yết:
chứng quyền

IV. CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN:

1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trong hồ sơ đăng ký thay đổi niêm yết của chúng tôi là đầy đủ, chính xác và trung thực. Trường hợp đăng ký thay đổi niêm yết do hủy một phần, chúng tôi cam kết duy trì số lượng chứng quyền chưa lưu hành tối thiểu đảm bảo đủ số lượng đăng ký hủy một phần và số lượng cho hoạt động tạo lập thị trường cho đến ngày hiệu lực của Quyết định thay đổi niêm yết từ SGDCK.

Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi nghĩa vụ của tổ chức phát hành cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

....., ngày..... tháng..... năm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC
PHÁT HÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BÁO CÁO

Số lượng chứng quyền chưa lưu hành có thời gian đáo hạn dưới 2 tháng

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ CHỨNG QUYỀN:

1. Tên tổ chức phát hành:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Số điện thoại:
4. Số Fax:
5. Thông tin về chứng quyền phát hành:
 - Tên chứng quyền:
 - Mã chứng quyền:
 - Tên (mã) chứng khoán cơ sở:
 - Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:
 - Loại chứng quyền (mua/bán):
 - Kiểu thực hiện (châu Âu):
 - Phương thức thanh toán thực hiện quyền:
 - Thời hạn: tháng
 - Ngày đáo hạn:
 - Tỷ lệ chuyển đổi:
 - Giá thực hiện

II. BÁO CÁO THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN:

STT	Thông tin	Số liệu
1	Số lượng chứng quyền đã phát hành	
2	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành có thời gian đáo hạn dưới 2 tháng	
3	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	
4	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành	
5	Tỷ lệ Chứng quyền đang lưu hành/ Chứng quyền đã phát hành	%

....., ngày..... tháng..... năm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC
PHÁT HÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY ĐỀ NGHỊ HỦY NIÊM YẾT CHỨNG QUYỀN

Chứng quyền (Tên chứng quyền)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ):
2. Tên giao dịch:
3. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm
4. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ):.....
5. Địa chỉ trụ sở chính:
6. Điện thoại: Fax:

II. LÝ DO HỦY NIÊM YẾT TOÀN BỘ CHỨNG QUYỀN:

..... (Ghi rõ lý do thuộc khoản, điều nào quy định trong Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại SGDC TP.HCM)

III. CHỨNG QUYỀN HỦY ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

1. Loại chứng khoán: chứng quyền có bảo đảm
2. Tên chứng quyền: ...
3. Mã chứng quyền:
4. Tên (mã) chứng khoán cơ sở:
5. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:
6. Thời hạn: tháng
7. Ngày đáo hạn:..... (ngày/tháng/năm)
8. Tỷ lệ chuyển đổi:
9. Giá thực hiện: (đồng)
10. Số lượng chứng quyền đã phát hành:
11. Số lượng chứng quyền niêm yết trước khi hủy niêm yết:
12. Số lượng chứng quyền đăng ký hủy niêm yết:chứng quyền (.....bằng chữ)

13. Số lượng chứng quyền niêm yết sau khi hủy niêm yết: chứng quyền

14. Thời gian dự kiến hủy niêm yết:

Lưu ý: Trường hợp hủy niêm yết chứng quyền theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 10 Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK TP.HCM và có nhiều chứng quyền thuộc cùng một tổ chức phát hành, hoặc nhiều chứng quyền trên cùng một tài sản cơ sở phải hủy niêm yết thì tổ chức phát hành có thể liệt kê các chứng quyền này trong một Giấy đề nghị hủy niêm yết chứng quyền.

IV. CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN:

1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán

- Tên ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán bảo đảm:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

- Website:

VI. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trong hồ sơ đề nghị hủy niêm yết chứng quyền của chúng tôi là đầy đủ, chính xác và trung thực. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi nghĩa vụ của tổ chức phát hành cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

....., ngày..... tháng..... năm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**TỔ CHỨC
PHÁT HÀNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Số:

....., ngày... tháng... năm...

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐIỀU CHỈNH CHỨNG QUYỀN

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Tổ chức phát hành:
 - Tên chứng quyền:
 - Mã chứng quyền:
 - Mã chứng khoán cơ sở:
 - Loại chứng quyền: [] Mua [] Bán
 - Kiểu thực hiện: Châu Âu
 - Phương thức thanh toán thực hiện quyền: thanh toán tiền
 - Thời hạn: ngày
 - Ngày đáo hạn:
 - Ngày thực hiện điều chỉnh: (*) ghi rõ ngày
- (*) Là ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở
- Lý do điều chỉnh:

Giá thực hiện cũ	(1)	
Tỷ lệ chuyển đổi cũ	(2)	
Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền	(3)	
Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền	(4)	
Giá thực hiện mới	$(5) = (1) \times [(4)/(3)]$	
Tỷ lệ chuyển đổi mới	$(6) = (2) \times [(4)/(3)]$	

Công ty cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

(Nguyên tắc làm tròn: Giá thực hiện mới sau điều chỉnh được làm tròn đến đơn vị đồng, tỷ lệ chuyển đổi mới sau điều chỉnh được làm tròn đến 4 chữ số thập phân sau dấu phẩy.)

Tài liệu đính kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu – nếu có)

TỔ CHỨC
PHÁT HÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



..., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA
CÔNG TY ĐẠI CHỨNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty đại chứng

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:

- Quốc tịch:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp:, nơi cấp:

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax: Email: Website:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chứng (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chứng:

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chứng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chứng):

- Họ và tên người nội bộ:

- Quốc tịch:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước:

- Địa chỉ thường trú:

- Điện thoại liên hệ: Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chứng:

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ:

- Số lượng, tỷ lệ chứng quyền mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có):

3. Mã chứng quyền: Mã chứng khoán cơ sở:

4. Các tài khoản giao dịch chứng quyền nêu tại mục 3:tại công ty chứng khoán:

5. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền: *

6. Số lượng, tỷ lệ chứng quyền (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:

7. Số lượng chứng quyền (nêu tại mục 3) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:

8. Giá trị chứng quyền (theo giá phát hành gần nhất) giao dịch dự kiến:

9. Số lượng, tỷ lệ chứng quyền (nêu tại mục 3) dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:

10. Mục đích thực hiện giao dịch

11. Phương thức giao dịch:

12. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngàyđến ngày

* Số lượng tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày thông báo giao dịch

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

**TỔ CHỨC
PHÁT HÀNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

... , ngày ... tháng ... năm ...



**BAO CAO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA
CÔNG TY ĐẠI CHỨNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty đại chứng

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

2. Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:

- Quốc tịch:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp:

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax: Email: Website:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chứng (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chứng:

- Chức vụ tại công ty đại chứng tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có): và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chứng: (nêu rõ lý do) *:

**Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chứng)*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chứng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chứng):

- Họ và tên người nội bộ:

- Quốc tịch:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước:

- Địa chỉ thường trú:

- Điện thoại liên hệ: Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng:

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ:

- Số lượng, tỷ lệ chứng quyền mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có):

3. Mã chứng quyền: Mã chứng khoán cơ sở:

4. Các tài khoản giao dịch chứng quyền nêu tại mục 3: tại công ty chứng khoán:

5. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: ...

6. Số lượng, tỷ lệ chứng quyền (nêu tại mục 3) trước khi thực hiện giao dịch:

7. Số lượng chứng quyền (nêu tại mục 3) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:

8. Số lượng chứng quyền (nêu tại mục 3) đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng **:

9. Giá trị chứng quyền (theo giá phát hành gần nhất) đã giao dịch:

10. Số lượng, tỷ lệ chứng quyền (nêu tại mục 3) nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:

Số lượng, tỷ lệ chứng quyền nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch và người có liên quan:

11. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện chứng quyền **:

12. Phương thức giao dịch:

13. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày

14. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký):

** Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày báo cáo kết quả giao dịch

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)